

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *op, ôp, ơp*; các tiếng, từ ngữ có các vần *op, ôp, ơp*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *op, ôp, ơp*; các tiếng, từ ngữ chứa những vần này.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *op, ôp, ơp* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật sống ở ao hồ và hiện tượng thời tiết.
- Phát triển kĩ năng nhận biết và nói về ao, hồ. Qua đó, HS cũng có thể có thêm hiểu biết về thể giới xung quanh và có những ứng xử phù hợp.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *op, ôp, ơp*; hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này như *lộp độp*: âm thanh trầm, nặng và thưa phát ra khi mưa rơi xuống mặt đất hay rơi xuống vật gì đó (thường là hạt mưa to và thưa); *tụ họp*: gặp nhau ở một nơi; *đớp*: há miệng ngậm vào cái gì đó.
- Các loài vật sống dưới nước và những loài lưỡng cư như ếch, nhái thường rất “hân hoan” đón những cơn mưa đầu mùa.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

KẾT NỐI TIẾT THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*ap, ăp, ơp*) và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Mưa rào lộp độp, / ếch nhái tụ họp thi hát, / cá cờ há miệng đớp mưa.*
- GV giới thiệu các vần mới *op, ôp, ơp*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
- + GV giới thiệu vần *op, ôp, ơp*.

- + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ôp, ơp* với *op* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần *op, ôp, ơp*
 - + GV đánh vần mẫu các vần *op, ôp, ơp*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *op*.
 - + HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôp*.
 - + HS tháo chữ *ô*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơp*.
- Lớp đọc đồng thanh *op, ôp, ơp* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *hộp*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *hộp*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *hộp* (*hờ – ôp – hóp – nặng – hộp*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *hộp*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *hộp*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *hộp*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau một lượt (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *op, ôp* hoặc *ơp*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *con cọp, lớp xe, tia chớp*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *con cọp*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *con cọp* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *op* trong *con cọp*, phân tích và đánh vần tiếng *cọp*, đọc trơn từ ngữ *con cọp*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *lớp xe, tia chớp*.

- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *op, ôp, ơp*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *op, ôp, ơp*.
- HS viết vào bảng con: *op, ôp, ơp* và *cop, lóp, chóp* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ôp* và *ơp* vì trong *ôp* đã có *op*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *op, ôp, ơp*; từ ngữ *lốp xe, tia chớp*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *op, ôp, ơp*.
- Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *op, ôp, ơp* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + Trong cơn mưa, họ nhà nhái làm gì?
 - + Mặt ao thế nào?
 - + Đàn cá cờ làm gì?
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Hai bức tranh vẽ gì? Tranh nào vẽ ao? Tranh nào vẽ hồ? Em thấy ao hồ ở đâu? Em thấy ao và hồ có gì giống nhau và khác nhau? (Gợi ý: Ao và hồ đều có nước, ao (thường) nhỏ hơn hồ). Có những loài vật nào sống ở ao hồ? (Gợi ý: cá, ếch, nhái,...).*

- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể đặt câu hỏi về ao hồ.
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn ao hồ và môi trường sống nói chung, lưu ý HS không tắm ở ao hồ,...

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ có chứa các vần *op, ôp, ơp* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *op, ôp, ơp* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.